

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 01

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ, **Nghị định số 55/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ;***

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công.

Điều 1. Bổ sung Điều 3a

“Điều 3a. Giá trị của tài sản làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý tài sản công

1. Giá trị của tài sản làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực quản lý tài sản công quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10, khoản 1, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP và giá trị vượt so với tiêu chuẩn, định mức làm căn cứ xử phạt và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm a khoản 7 Điều 8 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP được xác định như sau:

a) Giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản bằng không ($=0$) thì giá trị của tài sản làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được tính bằng 20% nguyên giá của tài sản.

b) Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì căn cứ vào nguồn gốc của tài sản và hồ sơ, chứng từ có liên quan (nếu có) để xác định giá trị còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao áp dụng đối với tài sản đó.

2. Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này làm căn cứ xác định giá trị của tài sản để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị còn lại của tài sản. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

3. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì thực hiện như sau:

a) Tùy theo tính chất, đặc điểm, thực trạng của tài sản cần xác định giá, Hội đồng xác định giá trị tài sản thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần xác định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau: Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự; nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã được áp dụng tại địa phương; tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản cần xác định giá.

b) Thành phần của Hội đồng xác định giá trị tài sản gồm có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản là Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền làm chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện bộ phận tài chính của cơ quan người có thẩm quyền thành lập Hội đồng hoặc đại diện cơ quan tài chính cấp xã nơi xảy ra vụ việc và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên (nếu cần).

c) Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xác định giá trị tài sản như sau:

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có).

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản.

d) Hội đồng phải lập Biên bản về việc xác định giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình xác định giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ xác định giá trị tài sản.

Nội dung chính của Biên bản xác định giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp xác định giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc xác định giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp xác định giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc xác định giá trị tài sản; chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng.

đ) Hội đồng xác định giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm xác định giá trị của tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng xác định giá trị tài sản và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc xác định giá trị của tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, bãi bỏ một số khoản, điều

1. Thay thế cụm từ “lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công” bằng cụm từ “lĩnh vực quản lý tài sản công” tại tên Thông tư, tên Chương II và tại các Điều 1, Điều 2, Điều 3

2. Thay thế cụm từ “Tổ chức chính trị - xã hội” bằng cụm từ “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)” tại điểm d khoản 1 Điều 2, tên Điều 6, khoản 1 Điều 6.

3. Thay thế cụm từ “khoản 3 Điều 6” bằng cụm từ “khoản 1 Điều 6” tại khoản 3 Điều 4.

4. Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều 8” bằng cụm từ “khoản 4 Điều 8” tại khoản 1 Điều 6.

5. Thay thế cụm từ “Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân” bằng cụm từ “Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công” tại khoản 1 Điều 10.

6. Bãi bỏ cụm từ “đầu tư,” tại tên Điều 4, khoản 3 Điều 4.

7. Bãi bỏ cụm từ “cơ quan của tổ chính trị - xã hội” tại khoản 1 Điều 6.

8. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Thành Trung